| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ VANG**<br>**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 02/2017/QĐST-KDTM | *Phú Vang, ngày 03 tháng 11 năm 2017* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", thụ lý số: 03/2017/TLST-KDTM ngày 24 tháng 7 năm 2017.

## XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự**:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng B

Địa chỉ: 198 Trần Q, quận K, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Hoàng V, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng B - Chi nhánh H

Người được ủy quyền lại: Ông Vũ Văn H; chức vụ: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng B – Chi nhánh H

Địa chỉ: 78 H, thành phố H, tỉnh H

*Bị đơn*: Công ty A

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh L; chức vụ: Giám đốc công ty

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Về số tiền còn nợ và phương thức, thời gian trả nợ:

Công ty A công nhận nợ và phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B số tiền: 15.514.142.331 đồng (Trong đó nợ gốc là: 13.276.886.120 đồng, nợ lãi là 2.237.256.211 đồng), như sau:

Ngày 10/11/2017, Công ty A phải trả nợ một lần cho Ngân hàng B số tiền: 15.514.142.331 đồng (Trong đó nợ gốc là: 13.276.886.120 đồng, nợ lãi là 2.237.256.211 đồng) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận, kể từ ngày 25/10/2017 tại hợp đồng tín dụng số 98/CTCPTS ngày 17/05/2012 và hợp đồng tín dụng số 478/HĐTD ngày 08/05/2015 mà Ngân hàng B đã ký kết với Công ty A cho đến khi trả hết nợ. Nếu hết thời hạn nêu trên mà Công ty A không trả được nợ thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 211/HĐTC/TSCĐ ngày 22/07/2013; hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 01PTA-MMTB ngày 12/11/2015 và hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 2017/MMTB ngày 20/01/2017 gồm:

- Văn phòng làm việc và nhà xưởng:

| **Hạng mục công trình** | **Diện tích xây dựng ($m^2$)** | **Diện tích sàn hoặc công suất ($m^2$)** | **Kết cấu chủ yếu** | **Cấp công trình** | **Số tầng** |
|---|---|---|---|---|---|
| Nhà làm việc | 205,52 | 205,52 | Tường gạch, khung BTCT, mái tôn | Cấp 4 | 01 |
| Nhà ăn | 207 | 207 | Tường gạch, khung BTCT, mái tôn | Cấp 4 | 01 |
| Nhà chế biến | 420 | 420 | Tường gạch, khung BTCT, mái tôn | Cấp 4 | 01 |
| Kho lạnh | 180 | 180 | Tường gạch, khung BTCT, mái tôn | Cấp 4 | 01 |
| Nhà để máy điện | 62,56 | 62,56 | Tường gạch, khung BTCT, mái tôn | Cấp 4 | 01 |
| Nhà để than | 28 | 28 | Tường gạch, mái tôn | Cấp 4 | 01 |
| Nhà xưởng | 487,2 | 487,2 | Tường gạch, khung BTCT, mái tôn | Cấp 4 | 01 |

- Máy móc thiết bị

+

| **STT** | **Tên tài sản** | **ĐVT** | **Số lượng** |
|---|---|---|---|
| 1 | Máy phát điện 63KVA, động cơ dầu (Anh), đầu phát (Pháp) | Cái | 1 |
| 2 | Máy phát 125KVA Ba Lan TRK 125 | Cái | 1 |
| 3 | Hệ thống cấp đông 750 kg/mẻ, công suất 40kw | Hệ thống | 1 |
| 4 | Tủ cấp đông gió 600kg/mẻ | Cái | 1 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 5 | Kho lạnh 120m$^3$, vỏ kho panen cách nhiệt bằng Polyurethane, các mối ghép panel được liên kết bằng khoá camlocking, khe hở giữa các tấm được trít bằng silicon (Việt Nam), tổ hợp máy nén, dàn ngưng Coperland (Mỹ) | Cái | 1 |
| 6 | Hệ thống máy đá vẩy công suất 5 tấn/24 giờ và vỏ kho chứa đá. | Hệ thống | 1 |
| 7 | Trạm biến áp 250KVA | Trạm | 1 |
| 8 | Máy rà kim loại (Nhật) | Cái | 1 |
| 9 | Máy hút chân không (Nhật) | Cái | 2 |
| 10 | Hệ thống đông gió công suất 125kg/h (Đức). | Hệ thống | 1 |

+

| STT | Tên tài sản | Nguồn gốc | Model | Số serial |
|---|---|---|---|---|
| 01 | ZANOTTI S.p.A | Châu Âu (Ý) | BAS 235T 1250 Y | 15100151 |
| 02 | ZANOTTI S.p.A | Châu Âu (Ý) | BAS 235T 1250 Y | 15100191 |
| 03 | ZANOTTI S.p.A | Châu Âu (Ý) | BAS 235T 1250 Y | 15100221 |

2.2. Về án phí: Công ty A phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 50%(112.000.000 đồng + 0,1%(15.514.142.331đồng – 4.000.000.000đồng)) = 61.757.071 đồng (Sáu mươi mốt triệu, bảy trăm năm mươi bảy ngàn, không trăm bảy mươi mốt đồng)

Trả lại cho Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí 61.533.000 đồng mà Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2013/003711 ngày 20 tháng 7 năm 2017.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***
-Cácđương sự;
- VKSND huyện Phú Vang;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Chi cục THADS huyện Phú Vang;
- Lưu hồ sơ.

**Đã ký**

**LA XUÂN TÂM**